

BỘ KHOA HỌC, CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 1254/1999/TT-
BKHCNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 45/1998/NĐ-CP

ngày 1/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ;

Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 45/1998/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 1998 quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (gọi tắt là Nghị định 45/1998).

1. Giải thích từ ngữ.

1.1. Chuyển giao công nghệ trong nước có tính chất thương mại giữa các bên tham gia Hợp đồng quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Nghị định 45/1998 được hiểu là chuyển giao công nghệ giữa Bên giao và Bên nhận trong đó hai Bên có ràng buộc về quyền, nghĩa vụ và có ràng buộc về việc thanh toán.

1.2. Các Hợp đồng hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nhằm mục tiêu chuyển giao công nghệ, Hợp đồng mà các Bên tham gia gọi là Hợp đồng li xăng công nghệ, Hợp đồng li xăng bí quyết kỹ thuật cũng được hiểu chung là Hợp đồng chuyển giao công nghệ và trong Thông tư này được gọi tắt là Hợp đồng.

1.3. Chuyển giao phần mềm máy tính trong chuyển giao công nghệ.

Chuyển giao phần mềm máy tính quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định 45/1998 là chuyển giao phần mềm máy tính kèm theo các nội dung khác của công nghệ quy định tại Điều 4 Nghị định 45/1998 với mục tiêu là giúp Bên nhận có được đầy đủ

năng lực công nghệ để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ với các chỉ tiêu chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội đã xác định trong Hợp đồng. Nội dung phần mềm máy tính được xác định rõ trong Hợp đồng. Việc chuyển giao phần mềm máy tính cho Bên nhận nếu không kèm theo nội dung khác của công nghệ thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quyền tác giả.

1.4. Dịch vụ tư vấn quản lý công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh quy định tại điểm 4.b Điều 4 Nghị định 45/1998 được hiểu là việc Bên giao cử chuyên gia tư vấn và/hoặc cung cấp thông tin để giúp Bên nhận quản lý công nghệ và/hoặc quản lý kinh doanh để đạt các mục tiêu nêu trong Hợp đồng. Trong khi thực hiện dịch vụ này, Bên giao không trực tiếp quản lý công nghệ hay trực tiếp quản lý kinh doanh thay Bên nhận.

1.5. Vốn Nhà nước quy định tại Nghị định 45/1998 được hiểu là nguồn vốn do Nhà nước quản lý, bao gồm:

- a- Vốn phân bổ của ngân sách Nhà nước.
- b- Vốn tự bổ sung của các doanh nghiệp Nhà nước.
- c- Vốn đóng góp của các doanh nghiệp Nhà nước vào các công ty (thành lập theo luật công ty).
- d- Vốn vay của chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các ngân hàng, các công ty nước ngoài thông qua ngân hàng Nhà nước hoặc được Nhà nước bảo lãnh.
- e- Vốn viện trợ của chính phủ các nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế đối với các dự án, công trình (bao gồm cả vốn viện trợ nhân đạo), đưa vào ngân sách Nhà nước quản lý.
- g- Vốn của Nhà nước dưới dạng quyền sử dụng đất, mặt nước, nhà xưởng, thiết bị...

1.6. Giá bán tịnh (quy định tại Khoản 9 Điều 2 Nghị định 45/1998) được hướng dẫn cụ thể như sau:

Giá bán tịnh là tổng giá bán sản phẩm hoặc dịch vụ mà trong quá trình tạo ra chúng có áp dụng công nghệ được chuyển giao tính theo hoá đơn bán hàng của Bên nhận trừ đi các khoản sau đây (nếu trong giá bán có bao gồm các khoản này):

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng.

- Chiết khấu thương mại (là khoản hoa hồng trả cho người đại lý bán hàng).
- Chi phí đầy đủ cho việc mua các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện từ bất kể nguồn cung cấp nào (được hiểu là giá mua chúng từ nhà cung cấp độc lập ở trong nước hoặc nhập khẩu bao gồm cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, thuế). Đối với các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện do bên thứ ba sản xuất tại Việt Nam theo công nghệ của Bên giao (thông qua Bên nhận) mà Bên giao không nhận phí chuyển giao công nghệ của Bên thứ ba thì Bên giao và Bên nhận có thể thoả thuận không trừ chi phí mua các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện này.
- Chi phí bao bì (là giá mua bao bì từ các nhà cung cấp).
- Chi phí đóng gói (là chi phí đóng gói thành phẩm nhằm mục đích vận chuyển thành phẩm đến nơi tiêu thụ).
- Chi phí vận tải (là chi phí vận chuyển thành phẩm tới nơi tiêu thụ).
- Chi phí quảng cáo của Bên nhận.

Tuỳ thuộc công nghệ và loại sản phẩm do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra, các bán thành phẩm, bộ phận, chi tiết, linh kiện và các chi phí nêu trên được xác định cụ thể trong Hợp đồng.

Trong trường hợp Bên nhận là doanh nghiệp thiết kế, khảo sát, sản xuất phần mềm và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật khác thì giá bán tịnh được hiểu là giá bán sản phẩm hoặc giá cung cấp dịch vụ tính theo hoá đơn của Bên nhận đối với khách hàng trừ thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng (nếu trong hoá đơn bán hàng có bao gồm các khoản thuế này).

1.7. Giá thanh toán cho việc chuyển giao công nghệ quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định 45/1998 được hiểu là tổng số tiền mà Bên nhận phải trả cho Bên giao và/hoặc Bên nhận phải trả cho Bên thứ ba do Bên giao chỉ định để thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Các vấn đề về Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2.1. Chuyển giao công nghệ đối với các dự án đầu tư có lựa chọn công nghệ theo phương thức đấu thầu:

Sau khi đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp công nghệ, việc chuyển giao công nghệ thực hiện theo các quy định của Nghị định 45/1998 và thông tư này.

2.2. Nội dung của Hợp đồng được quy định tại Điều 11 Nghị định 45/1998 được hướng dẫn thêm một số chi tiết như sau:

Việc chuyển giao công nghệ bao gồm: cấp li xăng các đối tượng sở hữu công nghiệp (nếu có), cung cấp bí quyết công nghệ; cung cấp tài liệu kỹ thuật; đào tạo; thực hiện các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật và tư vấn quản lý kinh doanh. Hợp đồng có thể đủ các nội dung, hoặc chỉ có một hoặc một số nội dung nêu trên. Nội dung của từng phần được cụ thể hoá như sau:

2.2.1. Cấp li xăng các đối tượng sở hữu công nghiệp (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp.

2.2.2. Bí quyết công nghệ đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định 45/1998, cần nêu rõ tên và kết quả cụ thể của việc áp dụng bí quyết công nghệ.

2.2.3. Tài liệu kỹ thuật và các thiết kế, quy trình, công thức, các tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng, bảng, biểu, chỉ dẫn, hướng dẫn, bản vẽ, phần mềm máy tính v.v..., thể hiện nội dung công nghệ được chuyển giao. Danh mục các tài liệu kỹ thuật được chuyển giao được quy định trong Khoản 4.1 của mẫu Hợp đồng tại Phụ lục 6 của Thông tư này (sau đây gọi là mẫu Hợp đồng). Trong Hợp đồng phải ghi cụ thể tên các loại tài liệu sẽ được chuyển giao.

2.2.4. Đào tạo: Việc đào tạo phải nhằm giúp cho Bên nhận nắm vững và làm chủ công nghệ trong một thời hạn quy định.

Trong chương trình đào tạo, cần phải nêu cụ thể về số lượng công nhân, cán bộ kỹ thuật, các ngành nghề, nội dung được đào tạo, thời hạn và nơi đào tạo. Các Bên tham gia Hợp đồng cần chủ động đề xuất, thoả thuận điều chỉnh để những nội dung của chương trình này phù hợp với điều kiện của mình.

Hợp đồng phải quy định cụ thể các điều khoản về đào tạo theo nội dung hướng dẫn trong Khoản 4.2 Điều 4 của mẫu Hợp đồng nêu tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này. Hợp đồng cũng cần quy định rõ cam kết của các Bên nhằm đạt được mục tiêu đào tạo, ví dụ: cam kết về trình độ, kỹ năng mà người được đào tạo sẽ có được sau khi

kết thúc chương trình đào tạo.

Sau khi kết thúc chương trình đào tạo, Bên giao phải kiểm tra chất lượng đào tạo và cấp cho mỗi học viên một chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo.

Hợp đồng cần nêu chi phí cho từng khoản mục đào tạo như: học phí, chi phí ăn ở, đi lại cho học viên và giảng viên và các chi phí liên quan khác (nếu có).

2.2.5. Các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật và tư vấn quản lý kinh doanh.

Đối với việc xây dựng các công trình, các cơ sở sản xuất, việc giúp đỡ kỹ thuật phải được Bên giao thực hiện theo tiến độ do hai Bên đã thoả thuận, nhưng cần đặc biệt lưu ý đến ba giai đoạn chính là:

- a. Giai đoạn trước khi vận hành hoặc sản xuất thử;
- b. Giai đoạn vận hành sản xuất thử;
- c. Giai đoạn vận hành sản xuất chính thức.

Việc hỗ trợ kỹ thuật phải được quy định chi tiết trong Hợp đồng hoặc phụ lục Hợp đồng.

Đối với những hình thức dịch vụ hỗ trợ và tư vấn như lựa chọn công nghệ, đổi mới công nghệ, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, nghiên cứu tiền khả thi và khả thi, tư vấn về quản lý công nghệ, tư vấn quản lý sản xuất kinh doanh, thực hiện các dịch vụ về thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về công nghệ, tài nguyên môi trường, v.v... Hợp đồng cần quy định rõ những công việc, nhiệm vụ cụ thể của từng chuyên gia và kết quả của từng dịch vụ.

Cần nêu rõ chi phí cho từng khoản mục hỗ trợ kỹ thuật như số lượng chuyên gia, thời gian làm việc, lương, phụ cấp của chuyên gia, các chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí khác...

2.2.6. Trong Hợp đồng hai Bên cần xác định rõ các dịch vụ kỹ thuật, các nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm, máy móc, thiết bị mà phía Việt Nam có thể cung cấp phù hợp với yêu cầu chất lượng và giá cả.

2.2.7 Thời gian, tiến độ chuyển giao công nghệ, địa điểm cung cấp từng phần công nghệ và thiết bị cần được quy định rõ ràng, và phù hợp với tiến độ xây dựng, sản